

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

(*Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam*)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 18

2020
TY
ANN
G
JAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch
Ông Christopher Đỗ Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2010)
Bà Đinh Thị Thùy	Thành viên
Ông Đặng Văn Vĩnh	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2010)
Ông Vũ Quý Hiệu	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đặng Văn Vĩnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Đán	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Đán	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Số. 162 /2011 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bằng câu đố kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 18. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Võ Thị Kim Khanh
Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 8 tháng 3 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thị Kim Khanh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0395/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		182.822.614.720	68.494.828.112
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	92.714.464.442	36.053.940.395
1. Tiền	111		23.714.464.442	12.053.940.395
2. Các khoản tương đương tiền	112		69.000.000.000	24.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	6.100.000.000	7.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.100.000.000	7.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.715.107.848	24.968.120.773
1. Phải thu khách hàng	131		62.871.772.514	23.774.509.912
2. Trả trước cho người bán	132		8.224.765.005	8.460.000
3. Các khoản phải thu khác	135		7.618.570.329	1.185.150.861
IV. Hàng tồn kho	140	7	4.802.428.530	372.266.944
1. Hàng tồn kho	141		4.802.428.530	372.266.944
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		490.613.900	100.500.000
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		490.613.900	100.500.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		176.753.616.245	105.392.402.889
I. Tài sản cố định	220		176.517.483.584	104.474.454.436
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	157.913.301.509	103.830.519.854
- Nguyên giá	222		188.547.553.096	114.094.620.446
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.634.251.587)	(10.264.100.592)
2. Tài sản cố định vô hình	227		3.045.411	18.707.535
- Nguyên giá	228		34.013.700	34.013.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.968.289)	(15.306.165)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	18.601.136.664	625.227.047
II. Tài sản dài hạn khác	260		236.132.661	917.948.453
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		106.082.661	395.943.215
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10	-	391.955.238
3. Tài sản dài hạn khác	268		130.050.000	130.050.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			359.576.230.965	173.887.231.001

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		126.399.745.644	100.616.557.796
I. Nợ ngắn hạn	310		86.700.886.768	50.566.217.622
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	31.053.738.106	24.232.938.009
2. Phải trả người bán	312		37.970.883.592	20.336.353.681
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.687.716.046	801.416.056
4. Phải trả người lao động	315		5.537.569.912	1.854.262.785
5. Chi phí phải trả	316		9.746.471.676	2.867.364.133
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		704.507.436	473.882.958
II. Nợ dài hạn	330		39.698.858.876	50.050.340.174
1. Vay và nợ dài hạn	334	13	37.625.259.254	49.976.408.102
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		73.599.622	73.932.072
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		2.000.000.000	-
B. NGUỒN VỐN	400		233.176.485.321	73.270.673.205
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	233.176.485.321	73.270.673.205
1. Vốn cổ đông	411		125.000.000.000	67.200.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.695.680.000	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		610.000.000	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		105.870.805.321	6.070.673.205
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		359.576.230.965	173.887.231.001



Đặng Văn Vinh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 8 tháng 3 năm 2011

Lê Thị Thu Giang
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu gộp	01		285.408.426.599	75.687.354.269
2. Doanh thu thuần	10		285.408.426.599	75.687.354.269
3. Giá vốn hàng bán	11	(153.935.070.048)	(50.606.568.004)	
4. Lợi nhuận gộp	20		131.473.356.551	25.080.786.265
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	4.019.579.089	2.092.605.022
6. Chi phí tài chính	22	16	(8.450.376.465)	(4.087.516.484)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(7.216.990.838)	(3.685.748.503)
7. Chi phí bán hàng	24		(2.782.423.761)	(1.931.392.315)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(18.044.154.634)	(7.603.527.162)
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		106.215.980.780	13.550.955.326
10. Thu nhập khác	31		516.437.873	-
11. Chi phí khác	32		(1.030.331.299)	(1.111.967.562)
12. Lỗ khác	40		(513.893.426)	(1.111.967.562)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		105.702.087.354	12.438.987.764
14. Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	17	-	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	10	(391.955.238)	(207.222.012)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		105.310.132.116	12.231.765.752
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	13.742	1.820



Đặng Văn Vinh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 8 tháng 3 năm 2011

Lê Thị Thu Giang
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	105.702.087.354	12.438.987.764
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khâu hao tài sản cố định	02	20.385.813.119	7.959.823.136
Các khoản dự phòng	03	2.000.000.000	-
Chênh lệch tỷ giá hồi đoái chưa thực hiện	04	1.104.022.934	370.664.168
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.019.579.089)	(2.075.542.326)
Chi phí lãi vay	06	7.413.336.866	3.685.748.503
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	132.585.681.184	22.379.681.245
Tăng các khoản phải thu	09	(53.746.987.075)	(17.201.739.485)
Tăng hàng tồn kho	10	(4.430.161.586)	(203.358.966)
Tăng các khoản phải trả	11	14.193.894.810	2.763.479.671
Giảm chi phí trả trước	12	289.860.554	702.556.704
Tiền lãi vay đã trả	13	(6.626.371.888)	(4.299.545.118)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	505.828.088	675.475.615
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.788.124.356)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	78.983.619.731	4.816.549.666
II. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(76.238.155.000)	(37.392.170.219)
2. Tiền chi đầu tư	23	(3.100.000.000)	-
3. Tiền thu hồi đầu tư	24	4.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	3.513.751.001	1.758.293.844
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(71.824.403.999)	(35.633.876.375)
III. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Nhận vốn góp của cổ đông	31	59.495.680.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	33.309.982.412	80.073.451.193
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(40.076.345.490)	(27.793.042.430)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả	36	(3.360.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	49.369.316.922	52.280.408.763
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	56.528.532.654	21.463.082.054
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	36.053.940.395	14.589.526.362
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	131.991.393	1.331.979
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	<u>92.714.464.442</u>	<u>36.053.940.395</u>

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định không bao gồm số tiền 16.190.687.267 đồng (năm 2009: 8.818.884.452 đồng), là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Đặng Văn Vinh
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 3 năm 2011

Lê Thị Thu Giang
Kế toán trưởng

Neal



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần với thời gian hoạt động trong vòng 20 năm theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh.

Các cổ đông chính của Công ty là Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí (sở hữu 24,68%) và Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sở hữu 35,67%), được thành lập tại Việt Nam và IEV Energy SDN.BHD (sở hữu 6,45%), được thành lập tại Malaysia. Các cổ đông khác sở hữu 33,2% vốn cổ đông.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 142 người (năm 2009: 104 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG và LNG, quy mô 50.000.000 m³/năm; cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyên dùng cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG và LNG.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KÉ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2010 <u>Số năm</u>	2009 <u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10	10
Máy móc và thiết bị	6 - 10	7 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 4	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 8	10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong năm (5) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ năm tài chính đầu tiên của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ loại nhỏ và các thiết bị văn phòng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

6/1/2012
CHÍNH
CỘNG
HỘ NHÂN
DÂN
VIỆT
NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ánh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bằng cách đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	271.989.853	213.160.062
Tiền gửi ngân hàng	23.442.474.589	11.840.780.333
Các khoản tương đương tiền	<u>69.000.000.000</u>	<u>24.000.000.000</u>
	<u>92.714.464.442</u>	<u>36.053.940.395</u>

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trong vòng 3 tháng với lãi suất được hưởng hàng năm từ 8% đến 14% (năm 2009: 8,2% đến 10,49%).

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	3.000.000.000	7.000.000.000
Cổ phiếu PVGas	3.100.000.000	-
	<u>6.100.000.000</u>	<u>7.000.000.000</u>

Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và khoản đầu tư mua 100.000 cổ phiếu PVGas với giá trị cổ phiếu là 31.000 đồng/cổ phiếu.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Nguyên vật liệu	4.555.165.571	154.662.805
Công cụ, dụng cụ	21.507.480	9.697.980
Thành phẩm	<u>225.755.479</u>	<u>207.906.159</u>
	<u>4.802.428.530</u>	<u>372.266.944</u>

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	1.188.465.960	58.051.638.258	54.161.152.484	693.363.744	114.094.620.446
Tăng	-	263.245.790	-	270.289.366	533.535.156
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	351.368.411	12.785.854.021	61.167.119.921	-	74.304.342.353
Điều chỉnh khác	<u>(264.035.769)</u>	<u>(120.909.090)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(384.944.859)</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.275.798.602</u>	<u>70.979.828.979</u>	<u>115.328.272.405</u>	<u>963.653.110</u>	<u>188.547.553.096</u>
GIÁ TRỊ HAO MỘN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2009	158.462.128	5.698.046.188	4.156.635.001	250.957.275	10.264.100.592
Khấu hao trong năm	107.083.391	9.371.674.686	10.612.250.553	279.142.365	20.370.150.995
Tại ngày 31/12/2010	<u>265.545.519</u>	<u>15.069.720.874</u>	<u>14.768.885.554</u>	<u>530.099.640</u>	<u>30.634.251.587</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.010.253.083</u>	<u>55.910.108.105</u>	<u>100.559.386.851</u>	<u>433.553.470</u>	<u>157.913.301.509</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>1.030.003.832</u>	<u>52.353.592.070</u>	<u>50.004.517.483</u>	<u>442.406.469</u>	<u>103.830.519.854</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

Theo trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đã thể chấp tất cả tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 157.913.301.509 đồng (năm 2009: 103.830.519.854 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Công ty.

Từ ngày 1/1/2010, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao tài sản cố định hanka như trình bày tại Thuyết minh số 4. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu tỷ lệ khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao trong năm 2010 sẽ giảm với số tiền là 6.379.687.209 đồng.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2010 VND	2009 VND
Dự án CNG Việt Nam mở rộng	18.370.853.525	625.227.047
Dự án CNG Nhơn Trạch – Đồng Nai	230.283.139	-
	<u>18.601.136.664</u>	<u>625.227.047</u>

10. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoàn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoàn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước.

	Dự phòng trợ cấp mất việc làm VND	Các khoản lỗ tính thuế VND	Tổng VND
Tại ngày 1/1/2009	10.563.290	588.613.960	599.177.250
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	<u>(12.708.922)</u>	<u>(194.513.090)</u>	<u>(207.222.012)</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>(2.145.632)</u>	<u>394.100.870</u>	<u>391.955.238</u>
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	2.145.632	(394.100.870)	(391.955.238)
Tại ngày 31/12/2010	-	-	-

11. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Nợ ngắn hạn	-	13.201.347.968
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số 13)	<u>31.053.738.106</u>	<u>11.031.590.041</u>
	<u>31.053.738.106</u>	<u>24.232.938.009</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước thể hiện chủ yếu số thuế giá trị gia tăng đầu ra phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Tại ngày 6 tháng 5 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với mục đích đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị cho dự án CNG Việt Nam. Khoản vay này có thể giải ngân bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ với hạn mức tín dụng là 5.491.757 đô la Mỹ và sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 7 năm 2012. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất một tháng bằng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 0,4% đổi với đô la Mỹ và lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 0,5% đổi với đồng Việt Nam. Tài sản hình thành từ vốn vay và dòng tiền được tạo ra từ tài sản này sẽ được dùng để thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng.

Tại ngày 1 tháng 11 năm 2010, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Vũng Tàu để tài trợ cho dự án CNG Việt Nam điều chỉnh và dự án đầu tư 6 bồn và rơ moóc. Khoản vay này được giải ngân bằng đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 208.000.000.000 đồng Việt Nam và đáo hạn sau 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất thả nổi và được điều chỉnh hàng quý. Tài sản hình thành từ vốn vay và dòng tiền tạo ra từ các tài sản này sẽ được dùng để thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng.

Công ty đã thế chấp tất cả tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tương đương 157.913.301.509 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 103.830.519.854 đồng) làm đảm bảo cho hai khoản vay này. Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	31.053.738.106	11.031.590.041
Trong năm thứ hai	24.491.259.254	11.031.590.041
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	13.134.000.000	26.882.674.886
Sau năm năm	<hr/>	<hr/>
	68.678.997.360	61.007.998.143
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<hr/> (31.053.738.106)	<hr/> (11.031.590.041)
Số phải trả sau 12 tháng	37.625.259.254	49.976.408.102

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn cổ phần đã phát hành

	31/12/2010	31/12/2009
Được phép phát hành:		
Số lượng - cổ phần	12.500.000	6.720.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<hr/> 125.000.000.000	<hr/> 67.200.000.000
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng - cổ phần	12.500.000	6.720.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<hr/> 125.000.000.000	<hr/> 67.200.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Các cổ phần này không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ đông VND	Thặng dư vốn VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận giữ lại VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2009	67.200.000.000	-	-	(6.161.092.547)	61.038.907.453
Vốn đã góp trong năm	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	12.231.765.752	12.231.765.752
Số dư tại ngày 31/12/2009	67.200.000.000	-	-	6.070.673.205	73.270.673.205
Vốn đã góp trong năm	57.800.000.000	1.695.680.000	-	-	59.495.680.000
Phản phổi quỹ	-	-	610.000.000	(2.150.000.000)	(1.540.000.000)
Chi cổ tức	-	-	-	(3.360.000.000)	(3.360.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	105.310.132.116	105.310.132.116
Số dư tại ngày 31/12/2010	125.000.000.000	1.695.680.000	610.000.000	105.870.805.321	233.176.485.321

Tại ngày 2 tháng 4 năm 2010, đại hội đồng cổ đông Công ty công bố chi trả cổ tức năm 2009 với tỷ lệ 5%/mệnh giá cổ phần, tương đương với số tiền là 3.360.000.000 đồng và thông qua việc trích quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 610.000.000 đồng và 1.540.000.000 đồng.

Chi tiết góp vốn của các cổ đông của Công ty như sau:

Theo Giấy Chứng nhận đầu tư VND	%	Vốn đã góp	
		31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	30.844.800.000	24,68	30.844.800.000
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	44.581.650.000	35,67	44.581.650.000
IEV Energy SDN.BHD	8.064.000.000	6,45	8.064.000.000
Các cổ đông khác	41.509.550.000	33,20	41.509.550.000
	<u>125.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>125.000.000.000</u>
			<u>67.200.000.000</u>

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010 VND	2009 VND
Lãi tiền gửi	4.019.579.089	2.075.542.326
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	17.062.696
	<u>4.019.579.089</u>	<u>2.092.605.022</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010 VND	2009 VND
Lãi tiền vay	7.216.990.838	3.685.748.503
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.104.022.934	370.664.168
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	<u>129.362.693</u>	<u>31.103.813</u>
	<u>8.450.376.465</u>	<u>4.087.516.484</u>

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2010 VND	2009 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	105.702.087.354	12.438.987.764
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(1.331.979)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	<u>2.888.389.199</u>	<u>1.802.173.747</u>
Thu nhập chịu thuế	<u>108.456.356.232</u>	<u>14.239.829.532</u>
Lỗ mang sang	(3.941.008.702)	(1.945.130.899)
Thuế suất thông thường	0%	0%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại (xem Thuyết minh 10)	<u>-</u>	<u>391.955.238</u>
	<u>-</u>	<u>391.955.238</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 25% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2009) và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo. Công ty không trích nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty đang được miễn thuế.

18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán dựa vào cơ sở dữ liệu sau:

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	105.310.132.116	12.231.765.752
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>7.663.467</u>	<u>6.720.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>13.742</u>	<u>1.820</u>

19. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2010 VND	2009 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>2.669.699.806</u>	<u>1.458.285.637</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	2.668.608.956	1.524.428.680
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.043.852.956	4.362.670.512
Sau năm năm	<u>6.131.558.868</u>	<u>14.112.225.175</u>
	<u>10.844.020.780</u>	<u>19.999.324.367</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê đất, văn phòng và cơ sở hạ tầng tại Thành phố Vũng Tàu:

- Tổng số tiền thuê 3.200 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam với giá thuê hàng năm là 1,4 đô la Mỹ/m². Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 40 năm tính từ ngày 1 tháng 8 năm 2007.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 351 Đường 30/4, Thành phố Vũng Tàu với giá thuê hàng tháng là 2.500 đô la Mỹ trong năm đầu tiên (từ ngày 20 tháng 12 năm 2008 đến ngày 20 tháng 12 năm 2010) và 2.750 đô la Mỹ trong năm thứ 2 và năm thứ 3 (từ ngày 21 tháng 12 năm 2010 đến ngày 20 tháng 12 năm 2011).
- Tổng số tiền thuê cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam với giá thuê hàng tháng là 163.253.133 đồng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 20 năm tính từ ngày 7 tháng 5 năm 2008.

20. CAM KẾT VỀ ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có các cam kết về mua sắm máy móc và trang thiết bị với tổng số tiền là 140.966.330.519 đồng.

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp	94.385.233.605	32.856.664.100
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	<u>1.930.830.639</u>	<u>-</u>
Doanh thu	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	<u>1.465.092.095</u>	<u>-</u>

13/2/2011
LÃNH C
ATY
XUẤT HÀ
TTÉ
NAM
HỘI
SƠ CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM
Số 35I, Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

	2010 <u>VND</u>	2009 <u>VND</u>
Góp vốn		
Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	12.700.080.000	-
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	18.357.150.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	6.056.000.000	-
IEV Group	5.644.800.000	-
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội	4.704.000.000	-
Công đoàn Công ty Cổ phần Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí	3.763.200.000	-
Công đoàn Tổng Công ty Khí Việt Nam	<u>929.250.000</u>	-
	<u> </u>	<u> </u>

	2010 <u>VND</u>	2009 <u>VND</u>
Cổ tức công bố và chi trả		
Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	907.200.000	-
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	1.143.072.000	-
IEV Energy SDN.BHD	<u>403.200.000</u>	-
	<u> </u>	<u> </u>

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2010 <u>VND</u>	2009 <u>VND</u>
Lương, thưởng	<u>3.015.418.186</u>	<u>2.166.751.987</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kê toán như sau:



Đặng Văn Vinh
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 3 năm 2011

	31/12/2010 <u>VND</u>	31/12/2009 <u>VND</u>
Các khoản phải trả	<u>27.569.867.325</u>	<u>11.331.727.349</u>

Uaal
Lê Thị Thu Giang
Kế toán trưởng